TÒA ÁN NHÂN D
HUYỆN HOÀI ĐỨC
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **21**/2018/HNGĐ-ST;
Ngày: 05/10/2018.
V/v tranh chấp hôn nhân gia đình.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN D HUYỆN HOÀI ĐỨC – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Thanh Hải.

Các Hội thẩm nhân D:

1. Bà Đ Thị Xê.
2. Bà Nguyễn Thị Tu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sinh - Thư ký Toà án nhân D huyện Hoài Đức - Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân D huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Thu Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2018, tại Trụ sở Toà án nhân D huyện Hoài Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án D sự thụ lý số 195/2018/TLST - HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2018 về việc *"Tranh chấp hôn nhân gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/8/2018, giữa các đương sự:

****Nguyên đơn:*** Chị NTMĐ, sinh năm 1988;

Trú tại: Thôn 4, xã SP, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Đ: Ông NTĐ - Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH IPIC – Đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

Có mặt.

**** Bị đơn:*** Anh NHV, sinh năm 1974;

Trú tại: Thôn 4, xã SP, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân D xã SP, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông NĐK– Chủ tịch Ủy ban nhân D xã SP, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****Tại Đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị NTMĐ trình bày:***

Chị và anh NHV xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân D xã Song Phương, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội ngày 01/10/2012. Sau khi kết hôn cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh V không quan tâm đến gia đình, vợ con. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, kéo dài. Chị đã làm đơn ly hôn một lần tại Tòa, sau đó rút đơn về nhưng đến nay hai bên vẫn không hàn gắn được. Anh chị hiện đang sống ly thân. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, xin được ly hôn anh NHV.

Tại phiên tòa, chị NTMĐ đề nghị Hội đồng xét xử hủy quan hệ hôn nhân giữa chị và anh NHV.

Về con chung: Chị và anh V con 02 con chung là cháu NHT, sinh ngày 05/8/2013 và cháu NHQ, sinh ngày 09/10/2015. Hiện tại các cháu đang sống cùng với chị. Ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu cả hai cháu. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của anh V. Hiện tại chị đang làm Trưởng phòng điều hành Tour tại Công ty cổ phần du lịch Mai Châu và khám phá V Nam, thu nhập trung bình 10.000.000đ/tháng, ngoài ra còn có các khoản thu nhập từ tiền thưởng khác.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

****Tại Bản tự khai, quá trình tố tụng, bị đơn anh NHV trình bày:***

Anh thống nhất với lời khai của chị Đ về thời gian và điều kiện kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm và lối sống. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, kéo dài và vợ chồng đã sống ly thân. Nay anh xác định vợ chồng không còn tình cảm, chị Đ làm đơn ly hôn anh đồng ý ly hôn.

Trước khi kết hôn với chị Đ, anh có đăng ký kết hôn với chị NTD, sinh năm 1970, có quốc tịch Úc (Địa chỉ cụ thể của chị D thế nào thì anh không nhớ). Anh và chị D đăng ký kết hôn năm 2001 tại Sở Tư Pháp Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi kết hôn, chị D định cư ở bên Úc. Đến nay anh và chị D chưa ly hôn. Đối với quan hệ hôn nhân với chị D, từ khi quen chị Đ cho đến thời điểm kết hôn và trong quá trình chung sống với nhau anh không nói cho chị Đ biết. Đến khoảng tháng 12 năm 2017, khi chị Đ lần đầu nộp đơn ly hôn anh thì anh mới nói cho chị Đ biết. Anh đề nghị Tòa án giải quyết vụ án ly hôn của anh và chị Đ theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh thống nhất với ý kiến của chị Đ, anh và chị Đ có 02 con chung là cháu NHT, sinh ngày 05/8/2013 và cháu NHQ, sinh ngày 09/10/2015. Hiện nay, các cháu đang sống cùng với chị Đ. Ly hôn anh đồng ý để hai cháu ở cùng với chị Đ và anh sẽ cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.500.000đ/tháng đến khi các cháu tròn 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân D xã Song Phương trình bày:***

Ngày 27/9/2012, Ủy ban nhân D xã Song Phương nhận được hồ sơ đăng ký kết hôn của anh NHV và chị NTMĐ. Tại hồ sơ đăng ký kết hôn, ông NHV khai đăng ký kết hôn lần thứ 2 (Trước đó đã ly hôn với vợ là chị Vũ Thị Thanh Bình – theo Quyết định số 474/QĐ-CNTL ngày 14/12/2000 của Tòa án nhân D quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh), còn bà NTMĐ đăng ký kết hôn lần thứ nhất. Hai bên cam đoan việc khai trong tờ khai đăng ký kết hôn là đúng sự thật. Căn cứ quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình, kiểm tra các hồ sơ, tài liệu có liên quan, Ủy ban nhân D xã Song Phương nhận thấy đủ điều kiện để đăng ký kết hôn cho anh NHV và chị NTMĐ. Ngày 01/10/2012, Ủy ban xã Song Phương đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn cho anh V và chị Đ, số 60/2012, quyển số 01/2012. Về việc anh V có đăng ký kết hôn với chị NTD, sinh ngày 06/02/1970, có quốc tịch Australia thì Ủy ban xã không được biết và không có hồ sơ, tài liệu gì liên quan đến vấn đề này. Nay Ủy ban nhân D xã đề nghị Tòa án hủy đăng ký kết hôn trái pháp luật giữa anh NHV và chị Nguyễn Thị Mai. Ủy ban nhân D xã đề nghị được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa.

Tại Công văn số 7441/STP-HT ngày 07/8/2018, Sở Tư Pháp Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận Bà NTD và ông NHV đã đăng ký kết hôn tại Sở Tư Pháp Thành phố Hồ Chí Minh đúng với hồ sơ, sổ bộ hiện đang lưu trữ tại Sở Tư Pháp Thành phố Hồ Chí Minh. Tại Sở Tư Pháp Thành phố Hồ Chí Minh không có thông tin về hồ sơ ghi chú ly hôn của bà NTD với ông NHV.

Tại phiên toà: Nguyên đơn chị NTMĐ đề nghị Tòa án huỷ việc kết hôn giữa chị và anh V, giải quyết việc nuôi con chung. Về tài sản chung chị không yêu cầu giải quyết.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Đ đề nghị HĐXX hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị NTMĐ và anh NHV; Về con chung: giao hai cháu NHT, sinh ngày 05/8/2013 và cháu NHQ, sinh ngày 09/10/2015 cho chị Đ nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Về cấp dưỡng nuôi con chung, đề nghị ghi nhận sự tự nguyện của anh NHV cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 1.500.000đ/tháng từ tháng 10 năm 2018 đến khi các cháu tròn 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Về tài sản chung: Chị Đ và anh V không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát nhân D huyện Hoài Đức phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng D sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, Đại diện VKS đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điểm c Khoản 2 Điều 5; Điều 8, 10, 11, 12, 58, 81,82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 147, Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng D sự xử: Hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị NTMĐ và anh NHV; Về con chung: giao hai cháu NHT, sinh ngày 05/8/2013 và cháu NHQ, sinh ngày 09/10/2015 cho chị Đ nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Về cấp dưỡng nuôi con chung, đề nghị ghi nhận sự tự nguyện của anh NHV cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 1.500.000đ/tháng từ tháng 10 năm 2018 đến khi các cháu tròn 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Về tài sản chung: Chị Đ và anh V không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Đ và anh V phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án là *"Ly hôn, nuôi con chung"*, anh NHV cư trú tại xã Song Phương, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng D sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân D huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

Bị đơn anh NHV vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân D xã Song Phương đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ Khoản 2 Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng D sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ là đúng quy định của pháp luật tố tụng.

[2]. Về nội dung: Xét yêu cầu hủy hôn nhân của nguyên đơn:

Chị NTMĐ và anh NHV đăng ký kết hôn ngày 01/10/2012 tại UBND xã Song Phương, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Tuy nhiên trước đó anh NHV đã đăng ký kết hôn với chị NTD, sinh năm 1970; Quốc tịch: Australia ngày 04/9/2001 tại Sở tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh, theo lời khai của anh V cũng như cung cấp của Sở tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh thì hiện tại anh V và chị D chưa ly hôn. Vì vậy việc chị Đ và anh V kết hôn khi anh V vẫn đang có vợ hợp pháp là vi phạm điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 16 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, cần hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị NTMĐ và anh NHV và hủy Giấy chứng nhận kết hôn số 60/2012; Quyển số 01/2012 ngày 01/10/2012 của Ủy ban nhân D xã SP, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

Về con chung: Chị Đ và anh V có 02 con chung là NHT, sinh ngày 05/8/2013 và cháu NHQ, sinh ngày 09/10/2015. Ly hôn anh chị đều đồng thuận giao cả hai con chung cho chị Đ trực tiếp chăm sóc và giáo dục. Do vậy Hội đồng xét xử giao hai cháu Nguyễn Hoàng Túng và NHQ cho chị Đ trực tiếp chăm sóc và giáo dục là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi chung: Anh NHV tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 1.500.000đ/tháng từ tháng 10 năm 2018, xét sự tự nguyện của anh V là phù hợp quy định của pháp luật nên HĐXX ghi nhận.

Về tài sản chung: Chị Đ và anh V không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị NTMĐ và anh NHV phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

***Áp dụng**:

Căn cứ vào các Điều 15,16 và Điều 17 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ vào các Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào các Điều 28, 35 và Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Khoản 2 Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng D sự;

Căn cứ vào Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị NTMĐ và anh NHV. Hủy Giấy chứng nhận kết hôn số 60/2012, Quyển số 01/2012 ngày 01/10/2012 của Ủy ban nhân D xã SP, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Chị NTMĐ và anh NHV phải chấm dứt quan hệ vợ chồng.

2. Về con chung: Giao 02 cháu NHT, sinh ngày 05/8/2013 và cháu NHQ, sinh ngày 09/10/2015 cho chị NTMĐ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có quyết định thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh NHV cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu NHT và cháu NHQ mỗi cháu 1.500.000đ/tháng kể từ tháng 10 năm 2018 đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có quyết định thay đổi khác.

Anh V có quyền và nghĩa vụ đi lại, thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Ghi nhận chị NTMĐ và anh NHV không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị NTMĐ phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0008124 ngày 19 tháng 6 năm 2018 của Chi cục thi hành án D sự huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Chị Đ đã nộp đủ án phí D sự. Anh NHV phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

5. Về quyền kháng cáo: *Áp dụng Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng D sự;*

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng D sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận đ□ợc bản án hoặc bản án đ□ợc niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thanh Hải

Nơi nhận:
- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND huyện Hoài Đức;
- Chi cục THADS huyện Hoài Đức;
- UBND xã Song Phương;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.